



# **Bài 7**

## **CÁC NGÀNH LUẬT**

### **TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT**

### **VIỆT NAM**

# I. Ngành luật Hiến pháp

## 1. Khái niệm

- Là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam
- Gồm những quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội cơ bản nhất về vấn đề tổ chức quyền lực NN, chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

# I. Ngành luật Hiến pháp

## 2. Đối tượng điều chỉnh

- Chế độ chính trị
- Chính sách kinh tế, VH-XH, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường
- Chính sách đối ngoại
- Quyền con người, Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
- Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Bộ máy NN
- Bảo vệ Tổ quốc

# I. Ngành luật Hiến pháp

## 3. Phương pháp điều chỉnh

- Xác lập những nguyên tắc mang tính định hướng trên các lĩnh vực của đời sống xã hội
- Quy định về quyền và nghĩa vụ cho các chủ thể; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cho các cơ quan nhà nước

# I. Ngành luật Hiến pháp

## 5. Lịch sử lập Hiến Việt Nam

- ▶ Hiến pháp 1946
- ▶ Hiến pháp 1959
- ▶ Hiến pháp 1980
- ▶ Hiến pháp 1992 (được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2001)
- ▶ Hiến pháp 2013

# I. Ngành luật Hiến pháp

## 6. Một số nội dung cơ bản

- a) Chế độ chính trị (Điều 1 – Điều 13)
- b) Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
- c) Các cơ quan trong bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam
  - ▶ Quốc hội
  - ▶ Chính phủ
  - ▶ Chủ tịch nước
  - ▶ Tòa án Nhân dân và Viện kiểm sát Nhân dân
  - ▶ Hội đồng bầu cử quốc gia và cơ quan kiểm toán Nhà nước
  - ▶ Chính quyền địa phương: Hội đồng ND và Ủy ban ND



## II. Ngành luật Dân sự

### 1. Khái niệm

- Là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam
- Gồm những quy phạm pháp luật dân sự điều chỉnh các quan hệ tài sản và các quan hệ nhân thân
- Trên cơ sở bình đẳng, quyền tự định đoạt, quyền khởi kiện dân sự và trách nhiệm tài sản của các chủ thể tham gia



## II. Ngành luật Dân sự

### 2. Đối tượng điều chỉnh

- Nhóm quan hệ về tài sản
- Nhóm quan hệ nhân thân (gắn với tài sản hoặc không gắn với tài sản)

### 3. Phương pháp điều chỉnh

- Các chủ thể bình đẳng về địa vị pháp lý, độc lập về tổ chức và tài sản
- Quyền tự định đoạt
- Giải quyết tranh chấp dân sự là tự thỏa thuận và hòa giải



## II. Ngành luật Dân sự

### 4. Các nguyên tắc cơ bản của ngành Luật Dân sự

- Nguyên tắc bình đẳng
- Nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận
- Nguyên tắc thiện chí, trung thực
- Nguyên tắc tôn trọng lợi ích của nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích của người khác
- Nguyên tắc chịu trách nhiệm dân sự



## II. Ngành luật Dân sự

5. Chủ thể quan hệ pháp luật Dân sự: Gồm Cá nhân và Pháp nhân

### 5.1 Cá nhân



## II. Ngành luật Dân sự

5. Chủ thể quan hệ pháp luật Dân sự: Gồm Cá nhân và Pháp nhân

### 5.2 Pháp nhân



## II. Ngành luật Dân sự

### 6. Một số Nội dung cơ bản ngành Luật Dân sự

- ▶ Tài sản
- ▶ Quyền sở hữu
- ▶ Thừa kế
- ▶ Hợp đồng



# III. Ngành luật HÌNH SỰ

## 5.1 Khái niệm

### a/ Tính nguy hiểm cho xã hội

- Tội phạm phải là hành vi (hành động hoặc không hành động)
- Hành vi đó phải nguy hiểm cho XH: tức là gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho những QHXXH được Luật HS bảo vệ
- Hành vi nguy hiểm phải ở mức độ đáng kể
- Đây là dấu hiệu cơ bản, quan trọng nhất quyết định các dấu hiệu khác của tội phạm, là tiêu chí để phân biệt tội phạm với các vi phạm pháp luật khác



# III. Ngành luật HÌNH SỰ

## 5.1 Khái niệm

### b/ Tính có lỗi

- Chỉ được xem là tội phạm khi chủ thể thực hiện hành vi có lỗi
- Lỗi là trạng thái tâm lý của người phạm tội đối với hành vi của mình và hậu quả mà hành vi đó gây ra, biểu hiện dưới hình thức cố ý và vô ý.

### c/ Tính trái pháp luật Hình sự

- Hành vi nguy hiểm cho XH phải được quy định trong Bộ luật Hình sự thì hành vi đó mới được xem là tội phạm



# III. Ngành luật HÌNH SỰ

## 5.1 Khái niệm

### d/ Tính phải chịu hình phạt

- Chỉ những hành vi nguy hiểm cho XH được xem là tội phạm mới phải chịu hình phạt
- Việc áp dụng hình phạt không phải là bắt buộc. Có những trường hợp có tội nhưng được miễn TNHS, miễn hình phạt, miễn chấp hành hình phạt

# IV. Ngành luật HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

## 1. Khái niệm

- Luật HN&GD là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận nhằm điều chỉnh các quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản giữa vợ chồng, cha mẹ con, những người thân ruột thịt khác

## 2. Đối tượng điều chỉnh

- Quan hệ nhân thân: mang tính chủ đạo
- Quan hệ tài sản

## 3. Phương pháp điều chỉnh

- PP Bình đẳng, thỏa thuận, tự định đoạt
- PP Cưỡng chế



# IV. Ngành luật HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

## 4. Nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình

1. Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.
2. Hôn nhân giữa công dân Việt Nam thuộc các dân tộc, tôn giáo, giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người có tín ngưỡng với người không có tín ngưỡng, giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.
3. Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không phân biệt đối xử giữa các con.
4. Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, hỗ trợ trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật thực hiện các quyền về hôn nhân và gia đình; giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ; thực hiện kế hoạch hóa gia đình.
5. Kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam về hôn nhân và gia đình.



# V. Ngành luật LAO ĐỘNG

## 1. Khái niệm

- ▶ Luật lao động là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam, điều chỉnh các quan hệ lao động giữa người sử dụng lao động với người lao động và các quan hệ xã hội liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động trong quá trình sử dụng lao động.

# V. Ngành luật LAO ĐỘNG

## 2. Đối tượng điều chỉnh

- ▶ ĐTĐC của luật lao động là những QHXX phát sinh giữa một bên là người lao động làm công ăn lương với một bên là người sử dụng lao động (cá nhân, tổ chức thuê mướn, sử dụng có trả công)
- ▶ ĐTĐC của ngành luật lao động gồm hai nhóm QHXX: Quan hệ lao động và quan hệ liên quan đến quan hệ lao động

## 3. Phương pháp điều chỉnh

- ▶ Phương pháp thỏa thuận
- ▶ Phương pháp mệnh lệnh
- ▶ Phương pháp thông qua các hoạt động của công đoàn để tác động và các quan hệ phát sinh trong quá trình lao động

# V. Ngành luật LAO ĐỘNG

## 4. Các nguyên tắc cơ bản của ngành Luật lao động

### 4.1 Các nguyên tắc bảo vệ Người lao động

- ▶ Đảm bảo quyền tự do làm việc, nơi làm việc của người lao động
- ▶ Đảm bảo về thu nhập cho người lao động
- ▶ Đảm bảo an toàn vệ sinh cho người lao động trong quá trình làm việc
- ▶ Đảm bảo quyền được nghỉ ngơi cho NLĐ
- ▶ Đảm bảo quyền được gia nhập, thành lập tổ chức công đoàn theo quy định PL
- ▶ Đảm bảo thực hiện BHXH cho NLĐ
- ▶ Đảm bảo quyền được đình công và các quyền khác cho NLĐ



# V. Ngành luật LAO ĐỘNG

## 4. Các nguyên tắc cơ bản của ngành Luật lao động

### 4.1 Các nguyên tắc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động

- ▶ Quyền tuyển chọn lao động
- ▶ Quyền tăng hoặc giảm lao động phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh
- ▶ Quyền ban hành nội quy lao động
- ▶ Quyền khen thưởng, kỷ luật
- ▶ Quyền chấm dứt HĐLĐ
- ▶ Quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại
- ▶ .....

## **V. Ngành luật LAO ĐỘNG**

### **4. Các nguyên tắc cơ bản của ngành Luật lao động**

#### **4.3 Nguyên tắc kết hợp hài hòa giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội**

- ▶ Bên cạnh việc hướng đến mục tiêu kinh tế như lợi nhuận, tiền lương, sự tăng trưởng trong sản xuất, kinh doanh, Luật lao động phải tham gia giải quyết các vấn đề xã hội như: việc làm, công bằng, dân chủ, tương trợ cộng đồng trong quá trình lao động tại các doanh nghiệp.

#### **4.4 Nguyên tắc tự do lựa chọn việc làm và tuyển chọn lao động**

## 5. Quyền và nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động

### 5.1 Quyền và nghĩa vụ của người lao động

#### a. Quyền

- ▶ a) Làm việc; tự do lựa chọn việc làm, nơi làm việc, nghề nghiệp, học nghề, nâng cao trình độ nghề nghiệp; không bị phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, quấy rối tình dục tại nơi làm việc;
- ▶ b) Hưởng lương phù hợp với trình độ, kỹ năng nghề trên cơ sở thỏa thuận với người sử dụng lao động; được bảo hộ lao động, làm việc trong điều kiện bảo đảm về an toàn, vệ sinh lao động; nghỉ theo chế độ, nghỉ hằng năm có hưởng lương và được hưởng phúc lợi tập thể;



## 5.1 Quyền và nghĩa vụ của người lao động

### a. Quyền

- ▶ c) Thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người lao động, tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật; yêu cầu và tham gia đối thoại, thực hiện quy chế dân chủ, thương lượng tập thể với người sử dụng lao động và được tham vấn tại nơi làm việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình; tham gia quản lý theo nội quy của người sử dụng lao động;
- ▶ d) Từ chối làm việc nếu có nguy cơ rõ ràng đe dọa trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe trong quá trình thực hiện công việc;
- ▶ đ) Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động;
- ▶ e) Đình công;
- ▶ g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

## 5.1 Quyền và nghĩa vụ của người lao động

### b. Nghĩa vụ

- a) Thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể và thỏa thuận hợp pháp khác;
- b) Chấp hành kỷ luật lao động, nội quy lao động; tuân theo sự quản lý, điều hành, giám sát của người sử dụng lao động;
- c) Thực hiện quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động.



## 5.2 Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động (NSDLĐ)

### a. Quyền

- ▶ a) Tuyển dụng, bố trí, quản lý, điều hành, giám sát lao động; khen thưởng và xử lý vi phạm kỷ luật lao động;
- ▶ b) Thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người sử dụng lao động, tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật;
- ▶ c) Yêu cầu tổ chức đại diện người lao động thương lượng với mục đích ký kết thỏa ước lao động tập thể; tham gia giải quyết tranh chấp lao động, đình công; đối thoại, trao đổi với tổ chức đại diện người lao động về các vấn đề trong quan hệ lao động, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người lao động;
- ▶ d) Đóng cửa tạm thời nơi làm việc;
- ▶ đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

## 5.2 Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động (NSDLĐ)

### b. Nghĩa vụ

- ▶ a) Thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể và thỏa thuận hợp pháp khác; tôn trọng danh dự, nhân phẩm của người lao động;
- ▶ b) Thiết lập cơ chế và thực hiện đối thoại, trao đổi với người lao động và tổ chức đại diện người lao động; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc;
- ▶ c) Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nhằm duy trì, chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động;
- ▶ d) Thực hiện quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động; xây dựng và thực hiện các giải pháp phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc;
- ▶ đ) Tham gia phát triển tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, đánh giá, công nhận kỹ năng nghề cho người lao động.



# V. Ngành luật LAO ĐỘNG

6. Hợp đồng lao động (HĐLĐ)

7. Tiền lương

8. Kỷ luật lao động